

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Kim Quý

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên toà: Phan Thị Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Phương H-** sinh năm 1993; nơi ĐKKHKT: Khu 02, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tạm trú tại: Khu 01, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2- **Bị đơn:** Anh **Phùng Văn A** - sinh năm 1994; Nơi cư trú: Khu 02, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 28/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phương H trình bày: chị và anh Phùng

Văn A tự nguyện kết hôn với nhau ngày 06/12/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung nhà với mẹ anh A tại khu 02, xã Y, huyện C và làm lao động tự do. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được hoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống dẫn tới thường xuyên xảy ra tranh cãi bất hoà. Mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng, nên từ đầu tháng 4 năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh A.

Tại bản tự khai ngày 01/4/2019 và trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Phùng Văn A trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị H trình bày. Nay chị Hảo đề nghị ly hôn, anh A đồng ý, vì thực tế tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương H và anh Phùng Văn A trình bày có 01 con chung là Phùng Gia B - sinh ngày 24/4/2014. Hiện con chung được vợ chồng gửi mẹ đẻ anh Phùng Văn A là bà Nguyễn Thị S trông nom, chăm sóc hộ. Ly hôn, hai bên đều đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên quan điểm và yêu cầu đã trình bày;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào: Điều 55; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương H và anh Phùng Văn A.

- Về con chung: Giao con chung Phùng Gia B, sinh ngày 24/4/2014 cho chị Nguyễn Thị Phương H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 8/2019 đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Phùng Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H vì chị H không yêu cầu.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân chị Nguyễn Thị Phương H và anh Phùng Văn A bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Chứng cứ thu thập được và lời trình bày của các đương sự cho thấy: sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, thiếu sự tin tưởng, tôn trọng nhau, dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau. Từ khoảng tháng 4/2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên hai bên thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2]. Về con chung: Con chung còn nhỏ tuổi, rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, chị H hiện thuê cửa hàng tại khu 01, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ để vừa làm nơi ở vừa bán hàng quần áo, có thu nhập bình quân từ 6.000.000đ-7.000.000đ/ tháng. Kể từ khi ly thân cho đến nay, chị H vẫn đảm bảo được là ban ngày làm việc, kinh doanh còn chiều tối về chăm sóc con. Còn anh A hiện nay bán hàng thuê cho cửa hàng bán hàng tạp hoá tại số 78 phố P, phường P, quận L, thành phố Hà Nội, thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng con bị hạn chế. Theo anh A trình bày, thu nhập của anh từ 8.000.000đ- 10.000.000đ/ tháng, nhưng anh A không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bản thân. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh A không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu. Việc anh A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương H và anh Phùng Văn A.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Phùng Gia B, sinh ngày 24/4/2014 cho chị Nguyễn Thị Phương H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 8/2019 đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Phùng Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H vì chị H không yêu cầu.

2.2. Anh Phùng Văn A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008552 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Hảo đã nộp đủ tiền án phí dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- THADS Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng